

Số: 62/BC-STTTT

Bắc Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2013

## BÁO CÁO

### Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII

#### I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAİ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TẠI SỞ

##### 1. Kết quả tổ chức nghiên cứu, quản triệT, tuyên truyền Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên trong cơ quan:

Ngay sau khi có sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Đảng uỷ Các cơ quan tỉnh, Chi bộ và Lãnh đạo cơ quan đã tổ chức hội nghị quán triệT Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và 5 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010-2015 đến toàn thể đảng viên và cán bộ, CCVC trong cơ quan. Ngoài ra, Chi bộ và lãnh đạo cơ quan còn thường xuyên quán triệT, phổ biến các Chỉ thị, chương trình, Kế hoạch của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đảng uỷ các cơ quan tỉnh trong các buổi sinh hoạt Chi bộ hàng tháng, sinh hoạt chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; hàng năm triển khai phát động thi đua thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch đã được cụ thể hoá trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

##### 2. Kết quả tham mưu xây dựng các văn bản pháp quy, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án trong lĩnh vực TT&TT cụ thể hoá thực hiện Nghị Quyết và 5 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm:

Trong thời gian qua, để thực hiện các chỉ tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội mà Nghị quyết đại hội đảng các cấp, ngành thông tin và truyền thông đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách và cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án như sau:

- Sở TT&TT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành được 06 văn bản QPPL: “Quy định phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh” “Quy định về việc gửi nhận văn bản điện tử và sử dụng thư điện tử trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” “Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng tin học diện rộng tỉnh Bắc Giang”; “Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định chế độ nhuận bút, chế độ chi trả thù lao trang thông tin điện tử và bản tin trong cơ quan trên địa bàn tỉnh; Quy định xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch điều chỉnh bổ sung phát triển Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch ngầm hoá cáp viễn thông hàng năm (từ 2013-2015); Kế hoạch triển khai Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở...

- Các Đề án, Dự án: Đề án Nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015; đang xây dựng dự thảo một số Đề án, Dự án gồm: Đề án đổi mới công tác thông tin tuyên truyền giai đoạn 2012-2015; Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang; Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Dự án Hội nghị truyền hình trực tuyến.

Trong quá trình tham mưu, triển khai xây dựng, Sở đã bám sát vào các chỉ tiêu, kế hoạch của cấp trên và trên cơ sở quy hoạch của Ngành được phê duyệt nên các văn bản, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án được xây dựng có trọng tâm, trọng điểm với mục tiêu, giải pháp cụ thể, sát với yêu cầu thực tế và đang được triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn, góp phần phát triển, bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra.

## **II. KẾT QUẢ SAU HƠN 2 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVII:**

Trên cơ sở những cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án được duyệt, Sở đã tích cực triển khai thực hiện các chỉ tiêu đề ra và đạt được các kết quả trên từng lĩnh vực chính như sau:

### **1. Về Công nghệ thông tin:**

Công tác đầu tư và ứng dụng CNTT những năm qua tiếp tục có chuyển biến tích cực. Nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai ứng dụng CNTT, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện công khai minh bạch, hướng tới phục vụ nhân dân, doanh nghiệp được tốt hơn.

Đến nay, 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện đã xây dựng mạng LAN; các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh được kết nối mạng cáp quang với Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh; mật độ máy tính trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đạt 0,95 máy tính/công chức, cơ quan cấp huyện đạt 0,97 máy tính/công chức, UBND cấp xã bình đạt 0,6 máy/công chức; 100% các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và UBND xã kết nối Internet tốc độ cao. Qua đó cho thấy, hạ tầng CNTT của các cơ quan từ tỉnh đến xã đã cơ bản đáp ứng yêu cầu cho triển khai ứng dụng CNTT.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm triển khai, tập trung vào công tác gửi nhận văn bản điện tử; vận hành, khai thác phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng và phần mềm Một cửa điện tử, dần hình thành cơ quan điện tử. Đến nay, các cấp, các ngành đã cơ

bản thực hiện nghiêm túc công tác gửi nhận văn bản điện tử và đưa công tác này dần vào nề nếp: Tỷ lệ văn bản điện tử đến ước đạt: 63 % (cấp Sở đạt 69%, cấp huyện đạt 59%); tỷ lệ văn bản điện tử gửi đi ước đạt: 58 % (cấp Sở đạt: 64 %, cấp huyện đạt: 45%). Từ 01/01/2013, các Hội nghị của UBND tỉnh không sử dụng văn bản giấy. Có 25 đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng; 18 đơn vị triển khai phần mềm Một cửa điện tử. 100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh và 10 huyện, thành phố đã xây dựng và duy trì hoạt động Trang tin điện tử; các Trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đảm bảo nội dung thông tin theo quy định tại Nghị định 43/NĐ- CP của Chính phủ.

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về CNTT được quan tâm, hàng năm Sở TT&TT đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho trên 30% cán bộ, CCVC từ tỉnh đến xã; các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã có cán bộ chuyên trách về CNTT.

### ***Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính về CNTT đến năm 2015***

TT	Nội dung chỉ tiêu đến năm 2015	Kết quả hiện tại (đến 6/2013)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu (%)
1	100 % cơ quan từ tỉnh đến xã được kết nối vào mạng truyền dẫn chuyên dùng	Đã kết nối xong các cơ quan từ tỉnh đến huyện	50%
2	100% các xã được phủ sóng 3G hoặc kết nối Internet tốc độ cao	80 % các xã đã được phủ sóng 3G; 100% các xã được có đường Internet ADSL	100%
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Hội nghị truyền hình từ tỉnh xuống huyện	Hiện nay Sở đang làm dự án để triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình riêng cho các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến huyện trong năm 2013. Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 doanh nghiệp có hệ thống này đến huyện	40%
4	100% các cơ quan cấp Sở và UBND cấp huyện được trang bị và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng, tiến tới xây dựng hệ thống tích hợp trong toàn tỉnh	Cơ bản các Sở và UBND các huyện đã được cài đặt phần mềm QLVB&ĐHCV nhưng mới có 25 cơ quan sử dụng phần mềm; Sở đang làm đề án xây dựng hệ thống tích hợp toàn tỉnh và trình UBND tỉnh trong năm 2013.	60%
5	100% các văn bản quy định gửi bằng điện tử được gửi nhận qua mạng	Tỷ lệ văn bản điện tử đến ước đạt: 63 % (cấp Sở đạt 69%, cấp huyện đạt 59%); tỷ lệ văn bản điện tử gửi đi ước đạt: 58 % (cấp Sở đạt: 64 %, cấp huyện đạt: 45%).	63%
6	100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có	100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đã có Trang	80%

	Trang thông tin điện tử và đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	thông tin điện tử; một số trang đã đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	
7	Xây dựng hệ thống liên thông giải quyết thủ tục hành chính công điện tử dùng chung trong toàn tỉnh	Sở đang chỉ đạo triển khai phần mềm Một cửa điện tử riêng từng đơn vị, sau đó sẽ liên thông toàn tỉnh. Đến nay 18 cơ quan, đơn vị đã triển khai Một cửa điện tử, một số huyện đang triển khai liên thông xuống cấp xã.	50%
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh.	Vừa qua, Bộ TT&TT đã quyết định đầu tư cho tỉnh xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Sở đang chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận và triển khai dự án; xây dựng dữ liệu về tự nhiên, KTXH; CSDL dân cư... để làm dữ liệu dùng chung.	40%
9	100% cán bộ, công chức từ tỉnh đến xã biết sử dụng máy tính; 50% sử dụng thành thạo máy tính.	Hàng năm Sở đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho trên 30% cán bộ, CCVC từ tỉnh đến xã	70%

## 2. Về Bưu chính, Viễn thông

Lĩnh vực BCVT tiếp tục phát triển, doanh thu và số thuê bao tăng, hạ tầng BCVT ngày càng được hoàn thiện, chất lượng dịch vụ được nâng cao; đảm bảo tốt công tác thông tin liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Một số kết quả cụ thể đạt được trong lĩnh vực BCVT như sau:

100% các xã, phường, thị trấn đã có sóng thông tin di động, truy cập được Internet; toàn tỉnh có 838 trạm thu phát sóng thông tin di động (trong đó có 650 trạm dùng chung); mạng cáp quang và hệ thống tổng đài được các doanh nghiệp phát triển rộng khắp đến tận xã. Mạng lưới Bưu cục được duy trì và tương đối hoàn chỉnh, Bưu điện tỉnh hiện có: 46 Bưu cục, 185 điểm BĐVH xã, 33 cơ sở Đại lý Bưu điện; bán kính phục vụ trung bình là 2.03km, số dân trên mỗi điểm Bưu điện phục vụ là 6.140 người/điểm. Ngoài Bưu điện tỉnh, trên địa bàn tỉnh còn có 4 doanh nghiệp khác hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chuyên phát.

Doanh thu bưu chính, viễn thông hàng năm tiếp tục tăng, năm 2011 đạt hơn 1.100 tỷ đồng (bằng 109% so với cùng kỳ), nộp ngân sách gần 30 tỷ đồng; năm 2012 đạt 1.284 tỷ đồng (bằng 110,8% so với năm 2011), nộp ngân sách 56 tỷ đồng; 6 tháng năm 2013 đạt 694,5 tỷ đồng, nộp ngân sách 22,6 tỷ đồng. Tổng số thuê bao điện thoại đến nay ước đạt 1.869.673 thuê bao, bằng 97,5% (đạt mật độ 116,25 máy/100dân); trong đó, thuê bao cố định là 73.953 thuê bao, giảm so cùng kỳ năm 25,4%; thuê bao di động là 1.759.720 thuê bao, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Thê bao Internet băng thông rộng tiếp tục tăng trưởng, ước đạt 51.725 thuê bao, bằng 104,3 % so với cùng kỳ năm trước.

*Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính về bưu chính, viễn thông đến năm 2015*

TT	Nội dung chỉ tiêu đến năm 2015	Kết quả hiện tại (6/2013)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu (%)
1	Bán kính phục vụ bình quân trên một điểm bưu chính đạt 2,14km/điểm; số dân phục vụ bình quân đạt 6.340 người/điểm	Bán kính phục vụ bình quân 2,03km/điểm; số dân phục vụ bình quân đạt 6.140 người/điểm	95%
2	Phát triển mạng lõi viễn thông công nghệ NGN, mang thông tin di động lên 3G	Đã phát triển mạng lõi viễn thông công nghệ NGN; mang thông tin di động công nghệ 3G phủ sóng 70% diện tích của tỉnh	90%
3	100% các tuyến đường chính trong đô thị và khu công nghiệp được ngầm hoá hạ tầng mạng cáp viễn thông, đảm bảo mỹ quan đô thị	Hàng năm Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch ngầm hoá mạng cáp theo từng giai đoạn và triển khai thực hiện cụ thể theo Kế hoạch được duyệt.	40%
4	Cáp quang đến 100% trung tâm xã	100% trung tâm xã đã có cáp quang	100%
5	Mật độ điện thoại đạt 113,8 máy/100 dân	Đạt 116,25 máy/100 dân	100%
6	Mật độ thuê bao Internet đạt 7,27 TB/100 dân	Đạt 3,4 TB/100 dân	50%

### 3. Về Báo chí, Xuất Bản: .

Toàn tỉnh hiện có: 03 cơ quan báo chí; 03 cơ quan đại diện báo chí trung ương ở địa phương; 10 Đài truyền thanh cấp huyện; 215 Đài truyền thanh cấp xã; 04 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trên địa bàn; các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến huyện đều có Trang thông tin điện tử.

Những năm qua, Sở TT&TT thường xuyên phối hợp thường xuyên với Ban Tuyên giáo tỉnh chỉ đạo, định hướng tuyên truyền cho các cơ quan báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; chú trọng từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở; hàng quý duy trì tổ chức giao ban báo chí, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực báo chí, xuất bản của tỉnh; qua đó thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, và quản lý hoạt động báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, thúc đẩy thi đua phục vụ phát triển Kinh tế-Xã hội, chính trị của địa phương.

#### *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính về báo chí, xuất bản đến năm 2015*

TT	Nội dung chỉ tiêu đến năm 2015	Kết quả hiện tại (6/2013)	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu (%)
1	100% các xã, phường, thị trấn	215/230 xã có Đài truyền thanh	90%

	có đài truyền thanh hoạt động; diện tích phủ sóng đạt 70-80% số hộ dân trên địa bàn cấp xã	hoạt động; diện tích phủ sóng đạt 60% số hộ dân trên địa bàn	
2	80% Đài xã trở lên được bố trí phòng làm việc riêng, từng bước được đầu tư thiết bị, phương tiện để nâng cao chất lượng hoạt động	Khoảng 50% Đài xã có phòng làm việc riêng; Sở đang hướng dẫn để phối hợp với các huyện bổ sung, đầu tư thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động	50%
3	Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới 15 Đài truyền thanh xã thuộc huyện Yên Dũng và nâng cấp 141 Đài xã ở 9 huyện, TP.	Sở đang hướng dẫn để triển khai từ năm 2013	20%
4	Mỗi Đài xã có từ 2-3 cán bộ kiêm nhiệm, trong đó Trưởng đài có trình độ trung cấp trở lên; hàng năm cán bộ đài được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ	20% Đài cấp xã có từ 2-3 cán bộ; 80% chỉ bố trí được một cán bộ; 49% Trưởng đài có trình độ trung cấp trở lên.	20%
5	Bố trí đủ hạn mức kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Đài theo Nghị quyết 31/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh	Cơ bản các Đài cấp xã được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo NQ 31/2010/NQ-HĐND. Tuy nhiên, việc quản lý kinh phí không thống nhất, có nơi chưa chi hết cho hoạt động của Đài	80%

#### 4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành:

- Công tác xây dựng tổ chức bộ máy: Sở Thông tin và Truyền thông tuy là Sở mới nhưng đến nay tổ chức bộ máy của Sở tương đối hoàn thiện: Tổng số CCVC-LĐ của Sở là 46 người (trong biên chế là 38 người; hợp đồng là 08 người; Khối văn phòng Sở là 31 người, đơn vị sự nghiệp là 15 người) chia làm 6 phòng và 01 Trung tâm trực thuộc; tập thể Lãnh đạo Sở có 04 người (Giám đốc và 03 phó Giám đốc). 6 phòng thuộc Sở gồm: Văn phòng Sở (9 người); phòng CNTT (3 người); phòng BCVT (3 người); phòng BCXB (5 người); phòng KHTC (3 người) và thanh tra Sở (4 người); Trung tâm CNTT&TT có 9 biên chế và 6 hợp đồng chia làm 3 phòng. Cán bộ, CCVC của Sở đều được đào tạo chính quy, 85% có trình độ đại học và trên đại học. Hàng năm Sở đều thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, kiện toàn lãnh đạo cấp phòng, quan tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể đều đã được kiện toàn và hoạt động hiệu quả; Bộ máy quản lý nhà nước từ tỉnh đến cấp huyện được kiện toàn, các huyện, sở, ngành đã có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Công tác cải cách hành chính: Sở đã sớm thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính trong cơ quan, tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng và áp dụng các quy trình giải quyết công việc theo tiêu chuẩn ISO, sớm đưa ứng dụng CNTT vào giải quyết công việc từ năm 2007. Hiện nay, Sở đã ứng dụng toàn diện phần mềm quản lý văn bản và

điều hành qua mạng trong giải quyết công việc; triển khai và thực hiện Một cửa điện tử liên thông đến các phòng, đơn vị trong Sở; từng bước cung cấp dịch vụ hành chính công cấp độ 3 trên Trang thông tin điện tử của Sở, giúp công khai minh bạch thủ tục hành chính, giảm thời gian và nâng cao chất lượng xử lý công việc; các cuộc họp nội bộ trong cơ quan thực hiện không giấy tờ. Do đó đến nay, cơ quan Sở TT&TT đã dần hình thành cơ quan điện tử, là đơn vị thí điểm để chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

Với việc tập trung kiện toàn, xây dựng tổ chức bộ máy, chú trọng đào tạo cán bộ; đẩy mạnh cải cách hành chính trong cơ quan, ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị nên việc giải quyết công việc của Sở được nề nếp hơn, nhanh hơn, hiệu quả và chất lượng giải quyết công việc cao hơn; qua đó nâng cao năng lực điều hành, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

Trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và 5 chương trình trọng tâm phát triển kinh tế xã hội, để hoàn thành các chỉ tiêu đã được cụ thể hoá trong lĩnh vực TT&TT, bên cạnh những kết quả đã đạt được như trên, công tác thông tin và truyền thông còn có những tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Trình độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị còn chưa đồng đều; triển khai ứng dụng CNTT mang tính tự phát chưa có tính bài bản, đồng bộ. Sự quan tâm cho việc phát triển, ứng dụng CNTT còn nhiều bất cập, chưa chủ động dành nguồn kinh phí đầu tư thỏa đáng cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị.

- Nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng CNTT còn hạn chế; việc ứng dụng CNTT trong các cấp, các ngành chưa đồng đều, bên cạnh những nơi làm tốt, Sự quan tâm cho việc phát triển, ứng dụng CNTT còn nhiều bất cập, chưa chủ động dành nguồn kinh phí đầu tư thỏa đáng cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh còn thiếu; tình trạng đảm bảo an toàn, an ninh mạng chưa cao.

- Lĩnh vực BCVT duy trì được tốc độ phát triển, song thuê bao điện thoại di động “rác”, thuê bao ảo vẫn còn tồn tại; chất lượng một số dịch vụ viễn thông chưa tốt, chưa đúng với cam kết với khách hàng; công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng trong hoạt động BCVT còn ít. Vấn đề sử dụng chung hạ tầng, chính trang và ngầm hoá cáp thông tin trong các đô thị và khu công nghiệp thực hiện còn chậm.

- Công tác thông tin tuyên truyền còn thiếu nhanh nhạy, chưa chú trọng phát hiện để tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến trong tỉnh. Hoạt động truyền thanh cơ sở nhiều nơi còn yếu nên chất lượng tuyên truyền của hệ thống truyền thanh cơ sở chưa cao.

- Một số lĩnh vực quản lý chưa theo kịp sự phát triển của Ngành, văn bản pháp quy, quy định chưa đầy đủ, thiếu căn cứ; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của Ngành ở cơ sở vừa thiếu, vừa yếu; cán bộ quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông của phòng VH TT các huyện còn thiếu kinh nghiệm, đa số lại kiêm nhiệm, nhiều cán bộ

công chức chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu quản lý của Ngành. Cán bộ truyền thanh cấp xã không ổn định, thường xuyên thay đổi do không có biên chế, phụ cấp thấp lại chưa được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nên chất lượng tuyên truyền ở cơ sở chưa cao.

**Tóm lại:** Qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, trong 20 chỉ tiêu, nhiệm vụ chính mà ngành TT&TT đã đề ra để thực hiện đến năm 2015: Có 6/20 chỉ tiêu cơ bản hoàn thành kế hoạch; 9/20 chỉ tiêu hoàn thành từ 50% kế hoạch trở lên; còn lại 5/20 chỉ tiêu do mới triển khai nên đạt dưới 50% kế hoạch. Mặc dù có nhiều khó khăn, lĩnh vực TT&TT lại mới, nhiều chỉ tiêu thực hiện liên quan đến việc phối hợp với nhiều ngành và các huyện, thành phố, song với sự quyết tâm, cố gắng của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong toàn Ngành, từ nay đến năm 2015 sẽ triển khai, từng bước thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

##### **1. Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện đến năm 2015:**

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp và 5 chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ nay đến năm 2015, Sở TT&TT tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

##### **1.1. Công tác tham mưu:**

Xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành ít nhất 4 văn bản pháp quy và các Đề án, Dự án về lĩnh vực TT&TT cụ thể: Quy định quản lý chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang; Quy định chế độ nhuận bút, biên tập Trang thông tin điện tử, bản tin trong các cơ quan nhà nước và Đài truyền thanh cơ sở; Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động; Kế hoạch ngầm hóa cáp Viễn thông năm 2014, 2015, Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang; Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Dự án Hội nghị truyền hình trực tuyến; các Dự án thực hiện Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở...

##### **1.2. Về Công nghệ thông tin:**

- Tập trung xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu và cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc và cải cách TTHC; tập trung đầu tư xây dựng cơ quan điện tử, chính quyền điện tử, trọng tâm là sử dụng các phần mềm: Quản lý văn bản và điều hành công việc; nâng cao chất lượng hoạt động Một cửa điện tử, gửi nhận văn bản điện tử, Cổng và Trang thông tin điện tử; thực hiện Hội nghị không sử dụng tài liệu giấy, Hội nghị trực tuyến.



- Làm tốt công tác đào tạo CNTT cho cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện và các cơ quan thuộc UBND tỉnh đảm bảo 100% cán bộ, CCVC cấp huyện trở lên và 60% cán bộ, CC cấp xã sử dụng thành thạo máy vi tính trong công việc. Tích cực tổ chức các chương trình hội thảo chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức về CNTT, về chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Tạo điều kiện dần hình thành môi trường phát triển công nghiệp phần cứng ; từng bước nghiên cứu và đề xuất kêu gọi đầu tư, phát triển công nghiệp sản xuất phần cứng trên địa bàn; khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số.

### **1.3. Về Bưu chính, viễn thông:**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, hoàn thiện hạ tầng mạng lưới; nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo tốt thông tin liên lạc.

- Chú trọng phát triển mạng bưu cục, điểm phục vụ đa dịch vụ tại các khu công nghiệp, các điểm dân cư; khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ chuyển phát, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và quyền lợi người sử dụng.

- Từng bước hoàn chỉnh hạ tầng viễn thông; cáp quang hoá mạng truyền dẫn đến tận trung tâm các xã; hoàn thành và đưa vào sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã; triển khai ngầm hoá mạng cáp viễn thông tại các tuyến đường chính trong khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Triển khai lắp đặt bổ sung các thiết bị truy nhập đáp ứng cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao tại khu vực các xã, đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới các thôn trên địa bàn; dần phổ cập dịch vụ Internet cho người dân nông thôn.

### **1.4. Về Báo chí, Xuất bản:**

- Làm tốt công tác định hướng tuyên truyền, đặc biệt công tác tuyên truyền thông tin, quảng bá hình ảnh của tỉnh Bắc Giang; thu hút đầu tư; động viên cán bộ và nhân dân hăng hái lao động sản xuất và công tác phục vụ sự nghiệp phát triển KT-XH , giữ vững an ninh, quốc phòng.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở; từng bước triển khai Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh cấp xã.

- Làm tốt công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực xuất bản trên địa bàn.

## **2. Một số giải pháp thực hiện:**

- Tranh thủ sự ủng hộ, qua tâm chỉ đạo của Bộ TT&TT, Tỉnh uỷ, UBND và HĐND tỉnh, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đảm bảo đồng bộ và toàn diện từ tỉnh đến huyện.

- Tích cực đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra.

- Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong công tác của cán bộ, CCVC; tổ chức phát động phong trào thi đua trong toàn ngành, chú trọng công tác động viên, khen thưởng kịp thời và nhân rộng điển hình tiên tiến.

- Kiện toàn bộ máy tham mưu giúp việc thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực TT&TT từ tỉnh đến huyện đáp ứng yêu cầu; thường xuyên tạo điều kiện, động viên cán bộ, CCVCLĐ trong ngành tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, đơn vị bằng cách phân công rõ nhiệm vụ, hàng năm đăng ký các chỉ tiêu, nhiệm vụ với Giám đốc Sở để thực hiện, phân đấu hoàn thành.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, hạn chế, đảm bảo cho các hoạt động TT&TT phát triển nhanh, mạnh, đúng pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng; đảm bảo an toàn, an ninh trong toàn Ngành nhằm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch của Ngành đã xây dựng để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII, Đại hội Đảng các cấp và 5 chương trình trọng tâm phát triển KTXH của tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Tỉnh Ủy Bắc Giang;
- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Sở ;
- Phòng VH TT các huyện, TP;
- Các đơn vị thuộc Sở, TH.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lã Duy Khiêm**